

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HS-ST
Ngày 09-4-2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Văn Khang;

Ông Ngô Minh Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Như Nguyễn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2018/TLST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Văn L, sinh năm 1972, tại tỉnh Quảng Bình. Nơi cư trú: Ấp X, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; **dân tộc:** Kinh; **giới tính:** Nam; **tôn giáo:** Không; **quốc tịch:** Việt Nam; con ông Trần Văn C (đã chết) và bà Lưu Thị T (đã chết); có vợ và 02 con; bị tạm giữ ngày 21/10/2017 cho đến nay; bị cáo có mặt.

Bị hại:

1. Anh Nguyễn Văn C (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại C:

- Chị Nguyễn Thị Anh T, sinh năm 1975; nơi cư trú: Số 28/1, ấp M, xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- Bà Đỗ Thị K, sinh năm 1932.

- Chị Nguyễn Thị Anh T sinh năm 1994.

Cùng nơi cư trú: Ấp C, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Cùng vắng mặt.

- Cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 23/8/2003. Đại diện hợp pháp của cháu Tuấn là chị Nguyễn Thị Anh T. Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1963; nơi cư trú: Ấp L, xã G, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

Bị đơn dân sự: Công ty TNHH-TM-DV & XD C.

Địa chỉ: XX/Y tổ 4, Khu phố 1, Quốc Lộ XY, phường T, Quận XX, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của bị đơn dân sự: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967; nơi cư trú: Số XXX/Y tổ 1, Khu phố 4, phường T, Quận XX, Thành phố Hồ Chí Minh; chức vụ: Giám đốc; là đại diện theo pháp luật. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ 45 phút ngày 10/6/2003, Trần Văn L điều khiển xe ô tô biển số 57H-XXXX chở đá lưu thông trên Quốc lộ XX hướng từ huyện T về huyện G, tỉnh Tây Ninh. Khi đến khu vực ấp B, xã GB, huyện T, tỉnh Tây Ninh, thì xe bị hư bộ phận hơi và đèn tín hiệu nên L đỗ xe bên lề đường để sửa chữa nhưng không có đèn tín hiệu, không đặt các biển báo nguy hiểm phía trước và phía sau xe để người điều khiển phương tiện khác biết. Khoảng 05 phút sau, xe mô tô biển số 70M1-XXXX do ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1963, ngụ ấp L, xã G, huyện T, tỉnh Tây Ninh, điều khiển chở ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1972, ngụ ấp C, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, ngồi phía sau lưu thông cùng chiều đụng vào phía sau bên trái thùng xe ô tô biển số 57H-XXXX, B và C bị té ngã xuống đường, được đưa đến Trung tâm y tế huyện G cấp cứu nhưng C đã bị tử vong, B bị thương tích nặng. Trong quá trình điều tra, L bỏ trốn nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bàng đã ra Quyết định truy nã đối với L; đến ngày 21/10/2017, L đến Công an huyện T đầu thú.

Kết quả khám nghiệm hiện trường, thể hiện: Mặt đường trải nhựa rộng 17 mét có vạch kẻ sơn; trực trước và trực sau xe ô tô biển số 57H-XXXX nằm trên đường nhựa và đều cách lề đường bên phải 0,9 mét.

Kết quả khám nghiệm phương tiện xe ô tô biển số 57H-XXXX, thể hiện: Đèn đờ mi phía trước bên trái và hai đèn đờ mi phía sau, hai đèn xi nhan phía trước và phía sau, hai đèn thắng phía sau đều bị hư hỏng, không chiếu sáng.

Tại Bản giám định pháp y số 257/GĐPY ngày 11/6/2003 của Tổ chức giám định pháp y tỉnh Tây Ninh, kết luận: Nguyễn Văn C tử vong do chấn thương sọ não.

Tại Biên bản giám định pháp y số 3896/GĐPY ngày 11/10/2006 của Tổ chức giám định pháp y tỉnh Tây Ninh, kết luận: Khả năng lao động của Nguyễn Văn B do thương tích gây nên mất 70% sức lao động .

Qua làm việc, Công ty TNHH-TM-DV & XD C và Trần Văn L đã bồi thường cho ông Nguyễn Văn B số tiền 22.000.000 đồng, gia đình ông Nguyễn Văn C số tiền 30.000.000 đồng; ông Bé không yêu cầu bồi thường gì thêm, đại diện hợp pháp của anh C yêu cầu bồi thường thêm tiền cấp dưỡng cho hai con anh C số tiền là 50.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 06/QĐ-KSĐT ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng đã truy tố bị cáo Trần Văn L về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 202 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo đồng ý bồi thường 15.000.000 đồng mà gia đình bị cáo đã nộp thay tại Chi cục Thi hành án huyện Trảng Bàng để khắc phục hậu quả. Đại diện hợp pháp của bị đơn dân sự đồng ý bồi thường thêm 15.000.000 đồng và không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của đại diện hợp pháp của bị hại C vì hiện công ty đang gặp khó khăn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- + Tuyên bố bị cáo Trần Văn L phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”;

- + Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 202, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 3 Điều 7, điểm a, b khoản 1 điều 260 của Bộ luật Hình sự 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Văn L từ 12 đến 18 tháng tù;

- + Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 613, 614, 627 Bộ luật Dân sự năm 1995 xử lý vật chứng và giải quyết việc bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trảng Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn L khai nhận: Vào ngày 10/6/2003, Trần Văn L có hành vi đỗ xe ô tô biển số 57H- XXXX chiếm một phần đường xe chạy nhưng không có tín hiệu, không đặt báo hiệu cho người điều khiển phương tiện khác biết nên đã gây tai nạn giao thông hậu quả làm anh Nguyễn Văn C chết và ông Nguyễn Văn B bị thương tích với tỷ lệ thương tật là 70%. Hành vi của bị cáo L đã vi phạm các điểm a, d khoản 3 Điều 18 của Luật giao thông đường bộ năm 2001. Lời khai nhận của bị cáo là phù hợp với các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng. Do đó, đủ căn cứ kết luận bị cáo Trần Văn L phạm tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ theo Điều 202 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

[3] Vụ án mang tính chất rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến an toàn công cộng, đã xâm phạm cho tính mạng, sức khỏe của người khác, để lại thương tâm cho người thân của anh C, ảnh hưởng sức khỏe nghiêm trọng cho anh B. Hành vi của bị cáo gây hậu quả rất nghiêm trọng làm 01 người chết, 01 người bị mất sức lao động 70%. Do đó, Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo tại điểm đ khoản 2 Điều 202 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ. Vì vậy, cần lên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để có tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt có xem xét đến tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng;

- Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã tác động và cùng chủ sở hữu xe bồi thường thiệt hại cho bị hại B xong và một phần thiệt hại cho đại diện hợp pháp của người bị hại C. Bị hại B và đại diện hợp pháp của người bị hại C có đơn xin bãi nại. Bị cáo có cha có công với Cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất. Bị

cáo đã ra đầu thú. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự 1999. Đối chiếu quy định theo Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 thì hành vi của bị cáo là vi phạm tại điểm a, b khoản 1 Điều 260 có mức hình phạt từ 01 đến 05 năm là nhẹ hơn so với quy định tại [điểm đ khoản 2 Điều 202 của Bộ luật Hình sự năm 1999 có mức hình phạt từ 03 đến 10 năm nên cần áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo theo quy định tại Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017, khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015.](#)

Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự 1999. Do đó Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự 1999.

[5] Về xử lý vật chứng: Xe ô tô biển số 57H-XXXX và xe mô tô biển số 70M1-XXXX cơ quan điều tra đã trả cho chủ sở hữu là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận Công ty TNHH-TM-DV & XD C và bị cáo Trần Văn L đã bồi thường cho ông Nguyễn Văn B số tiền 22.000.000 đồng, gia đình anh Nguyễn Văn C số tiền 30.000.000 đồng; ông Bé không yêu cầu bồi thường gì thêm, đại diện hợp pháp của anh C yêu cầu bồi thường thêm số tiền cấp dưỡng nuôi hai con anh C là 50.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy tại thời điểm tai nạn, anh C phải nuôi dưỡng hai con chưa thành niên, nên yêu cầu của đại diện hợp pháp của bị hại C là có căn cứ chấp nhận. Xe ô tô biển số 57H-XXXX thuộc sở hữu của Công ty TNHH-TM-DV & XD C. Do đó cần buộc Công ty TNHH-TM-DV & XD C có trách nhiệm bồi thường theo yêu cầu của đại diện hợp pháp của anh C là phù hợp theo quy định tại Điều 614, 627 của Bộ luật Dân sự năm 1995. Tuy nhiên bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 15.000.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án huyện T nên ghi nhận. Buộc Công ty TNHH-TM-DV & XD C có nghĩa vụ bồi thường cho đại diện hợp pháp của anh C số tiền 35.000.000 đồng.

[7] Về án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm, Công ty TNHH-TM-DV & XD C có nghĩa vụ bồi thường nên phải chịu án dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều [135, 136](#) của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23, 26 của Nghị quyết số [326/2016/UBTVQH14](#) về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn L phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 202, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 3 Điều 7, điểm a, b khoản 1 điều 260 của Bộ luật Hình sự 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Văn L 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/10/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999, các Điều 613, 614, 627 của Bộ luật Dân sự năm 1995. Ghi nhận Công ty TNHH-TM-DV & XD C và bị cáo Trần Văn L đã bồi thường cho ông Nguyễn Văn B số tiền 22.000.000 đồng, gia đình anh Nguyễn Văn C số tiền 30.000.000 đồng; ông B không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Ghi nhận bị cáo Trần Văn L đồng ý bồi thường cho bà K, Nguyễn Thị Anh T, Nguyễn Anh T, Nguyễn Thị Anh T số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng. Ghi nhận bị cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003431 ngày 16/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng.

Buộc Công ty TNHH-TM-DV & XD C bồi thường cho bà K, Nguyễn Thị Anh T, Nguyễn Anh T, Nguyễn Thị Anh T số tiền 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

3. Án phí: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a, b khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Văn L phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Công ty TNHH-TM-DV & XD C phải chịu 1.750.000 (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

5. Báo cho bị cáo, bị đơn dân sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. bà K, Nguyễn Thị

Anh T, Nguyễn Anh T, Nguyễn Thị Anh T, ông B vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Tây Ninh;
- VKS H. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS H. Trảng Bàng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Văn Trường